

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 64/TC-TCĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán tại doanh nghiệp Nhà nước

Thi hành Nghị định số 59/CP ngày 3/10/1996 của Chính phủ "Ban hành quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp Nhà nước", Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính tại doanh nghiệp Nhà nước như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: Tổng công ty, doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty, doanh nghiệp Nhà nước khác hạch toán độc lập, là đối tượng xác định được doanh thu; chi phí; lãi lỗ (dưới đây gọi tắt là doanh nghiệp Nhà nước).

2. Trong Thông tư này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

b. Dự phòng giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính: là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá các loại chứng khoán của doanh nghiệp có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó đòi, có thể không đòi được do con nợ không còn khả năng thanh toán có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

3. Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng: Việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính đều được thực hiện ở thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

4. Ba khoản dự phòng nói trên được trích trước vào chi phí hoạt động của năm báo cáo là để ghi nhận trước giá trị các khoản tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính bù đắp ba khoản tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh. Doanh nghiệp chủ động xác định mức trích lập, sử dụng từng khoản dự phòng đúng mục đích và xử lý theo các quy định dưới đây:

II. TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

1. Đối tượng và điều kiện lập dự phòng tổn thất:

a. Đối tượng lập dự phòng:

- Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, vật tư hàng hoá, thành phẩm tồn kho để bán, mà giá trên thị trường thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán (sau đây gọi tắt là vật tư hàng hoá).
- Các chứng khoán do doanh nghiệp đầu tư bị giảm giá so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu khó đòi.

b. Điều kiện lập dự phòng:

Việc trích lập các khoản dự phòng (giảm giá hàng tồn kho, phải thu khó đòi, giảm giá các chứng khoán đầu tư) không được vượt quá số lợi nhuận phát sinh của doanh nghiệp (sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng trích lập năm trước), và có các bằng chứng dưới đây:

- Đối với vật tư hàng hoá tồn kho:

- + Là những vật tư hàng hoá tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thị trường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán.
- + Vật tư hàng hoá là mặt hàng kinh doanh và thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

+ Có chứng từ hoá đơn hợp lý hợp lệ hoặc các chứng từ khác chứng minh giá vốn vật tư hàng hoá tồn kho.

- Đối với các loại chứng khoán giảm giá:

+ Là chứng khoán được doanh nghiệp đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

+ Được tự do mua bán trên thị trường mà tại thời điểm kiểm kê, lập báo cáo tài chính có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán.

Những chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường thì không được lập dự phòng giảm giá.

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Phải có tên, địa chỉ nội dung từng khoản nợ, số tiền phải thu của từng con nợ. Trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

+ Để có căn cứ lập dự phòng nợ phải thu khó đòi doanh nghiệp phải có chứng từ gốc hoặc xác nhận của con nợ về số tiền còn nợ chưa trả, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...

Căn cứ để được ghi nhận là khoản nợ phải thu khó đòi là:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 2 năm trở lên, kể từ ngày đến hạn thu nợ được ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được nợ.

+ Trường hợp đặc biệt, tuy thời gian quá hạn chưa tới 2 năm, nhưng con nợ đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, hoặc có dấu hiệu khác như bỏ trốn, hoặc đang bị các cơ quan pháp luật giam giữ, xét xử... thì cũng được ghi nhận là khoản nợ khó đòi.

c. Các vật tư, hàng hoá tồn kho, công nợ phải thu khó đòi, chứng khoán khi không đủ các điều kiện quy định trên thì không được lập dự phòng.

d. Doanh nghiệp phải lập hội đồng để thẩm định mức độ giảm giá vật tư hàng hoá tồn kho, giảm giá chứng khoán và xác định, các khoản nợ phải thu khó đòi.

Hội đồng do Giám đốc thành lập với các thành phần bắt buộc là: Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng vật tư hoặc phòng kinh doanh.

2. Phương pháp lập các khoản dự phòng: